

# TRỞ LẠI VẤN ĐỀ PHÂN LOẠI CÁC NHÓM ĐAO Ở VIỆT NAM

NGUYỄN KHẮC TỤNG

Đã trên 20 năm trôi qua (1971-1995) với cách phân loại các nhóm Dao trong cuốn *Người Dao ở Việt Nam* (Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội - 1971) tưởng như không còn gì để bàn nhiều. Nhưng đến cuộc Hội thảo quốc tế về người Dao được tổ chức tại Bắc Thái vào trung tuần tháng 12/ 1995, vấn đề này lại được đặt ra bởi báo cáo khoa học : *Sơ bộ phân loại các ngành Dao ở Việt Nam* của Bàn Thị Tư.

Vậy, cách phân loại các nhóm Dao của Bàn Thị Tư có gì mới lạ ?

Để tránh sự hiểu lầm hoặc cho rằng chúng tôi chưa quán triệt được hết những ý tưởng khoa học mới của Bàn Thị Tư, chúng tôi xin trích nguyên văn những đoạn được coi là quan trọng nhất của báo cáo đó.

Xin bắt đầu từ : "Phân loại các nhóm ngành Dao " của Bàn Thị Tư : "Việc phân loại ngành Dao do các tác giả nêu ra có chỗ *không chính xác*" (chúng tôi nhấn mạnh - NKT).

Sau đó Bàn Thị Tư liệt kê một số "nhóm ngành" (?) Dao theo phân loại của những người nghiên cứu trước, như : cuộc điều tra thống kê tên gọi các ngành Dao của Ban Dân tộc Trung ương năm 1968, cuốn *Các dân tộc thiểu số Việt Nam*, xuất bản năm 1959. Tạp chí Dân tộc số 39, năm 1963, cuốn *Người Dao Việt Nam* của Nhà xuất bản KHXH năm 1971 (không có cuốn sách này mà chỉ có cuốn "Người Dao ở Việt Nam" mà người viết bài này là một trong số các tác giả của nó - NKT).

Cuối cùng Bàn Thị Tư nhận xét : "Nhìn chung tất cả các cách phân loại các ngành Dao ở Việt Nam mà các tác giả đã nêu lên là *chưa thoả đáng* (NKT)."

Cách phân loại đều dựa vào quần áo, màu sắc, kích cỡ, hình thù kiểu cách chút đội khăn của người phụ nữ, tên gọi của địa phương. Trong đó có một số tên mang hàm ý xấu, có tính chất chia rẽ, miệt thị dân tộc. Đồng thời sự phân ngành Dao cũng *hết sức tùy tiện* (NKT).

Tiêu chuẩn cần thiết để *phân loại dân tộc* (NKT) bao gồm: nguồn gốc lịch sử, văn hoá, tự giác dân tộc và ngôn ngữ. Dân tộc Dao là một dân tộc thống nhất có chung nguồn gốc, chung truyền thuyết, chung thuỷ tổ Bản Vương, chung ngôn ngữ, chung văn hoá nhưng do quá trình thiên di cư trú đan xen tiếp xúc với nhiều dân tộc anh em, do đó dân tộc Dao có sự khác nhau về ngôn ngữ văn hoá.

Tôi thấy việc phân loại ngành Dao ở Việt Nam cần phải dựa vào *cơ sở tiêu chuẩn ngôn ngữ* (NKT). Theo ngôn ngữ, thì tôi phân dân tộc Dao làm hai ngành đó là:

1. Ngành thứ nhất hay còn gọi là ngành một gồm có ba nhóm hay chi tộc sau:

1. Dao Đại bản.
2. Dao Tiểu bản.
3. Dao Quần chẹt.

2. Ngành thứ hai hay ngành hai, gồm các nhóm hay chi tộc sau:

1. Dao Thanh y.
2. Dao Quần trắng.
3. Dao áo dài.

Nếu phân nhóm thì gồm 6 nhóm hay 6 chi tộc, còn phân theo ngôn ngữ chỉ có 2 nhóm ngôn ngữ chính.

Xét về tiếng nói, căn cứ vào các từ vị cơ bản qua việc so sánh ta thấy:

- Đại bản - Quần chẹt giống nhau đến 100%

- Đại bản - Tiểu bản giống nhau khoảng 80%. Bởi ở Tiểu bản có nhiều từ vị tiếng Tày.

- Về chỉ số đếm trong 20 từ: Đại bản, Quần chẹt, Tiểu bản giống nhau.

- Tiếng nói của nhóm ngôn ngữ hai gồm 3 chi tộc cũng giống nhau trong các từ vị, nhưng khác nhiều với nhóm ngôn ngữ một. Tuy vậy cả hai ngành Dao tuy khác nhau về ngôn ngữ nhưng lại giống nhau về phong tục, tập quán, các hình thái kinh tế, tín ngưỡng. Về tín ngưỡng cả hai ngành Dao đều thờ cúng Bàn Vương. Bàn Vương được coi là thủy tổ của dân tộc Dao. Cả hai ngành Dao đều có tục cấp sắc mà tiếng Dao gọi là "quả tãng". Về hình thái kinh tế, dân tộc Dao nói chung làm nương rẫy (chặt gốc ăn ngọn) đao canh hoả chủng. Từ chọn đất, việc phát cỏ, chặt cây, đốt nương, tra hạt, làm cỏ, thu hoạch, phương tiện vận chuyển các thành quả về nhà đều giống nhau.

Về văn hoá: Trước đây người Dao đều sử dụng chữ Hán để ghi chép những câu ca, bài hát, những mẩu chuyện ca ngợi sản xuất, chiến đấu, chê bai những thói hư, tật xấu để chê cười, răn đe người đời, truyền lại cho con cháu mai sau đều bằng văn chương để ví von...

Làng bản: Làng bản của dân tộc Dao thường được dựng bên suối nước, gần rừng, đất rộng để chăn thả gia súc. Ngoài ra còn được dựng xung quanh người nắm thần quyền, người được cấp sắc cao, biết làm nghề tôn giáo giỏi mà tiếng Dao nói "người cứu nhận độ thể" dọn nhà đi đâu dân làng cùng dọn đến đó.

Ngoài những điểm giống nhau về kinh tế, phong tục tập quán, loại hình kinh tế, văn hoá xã hội trong dân tộc Dao cũng có những mặt khác nhau giữa các vùng, các ngành Dao, các nhóm như:

Hôn nhân gia đình: Về hôn nhân cưới xin trong dân tộc Dao cũng có những đặc điểm khác nhau: tuy rằng con trai đến tuổi trưởng thành cưới vợ, gái đến tuổi gả chồng, Dao Đại bản nói chung là con trai cưới vợ về nhà, con gái gả về nhà chồng. Nhưng ở Dao Tiểu bản, con trai đến 18, đôi mươi đều phải đi ở rẫy mà họ nói "xuống công" đến khi đôi trai gái thuận lòng, có con thì lúc đó cha mẹ bên trai mới tổ chức đám cưới đón dâu, đón cháu về nhà. Nếu như con gái không đồng ý, cuộc hôn nhân đó lại chia tay, đi đám khác.

Về nhà cửa: nhà cửa của Dao Đại bản làm trên nền đất hoàn toàn. Dao Tiểu bản, Quần chẹt thường là nửa sàn, nửa đất. Dao Quần trắng, Áo dài lại toàn nhà sàn. Trong nội thất trang trí cũng có sự khác nhau chút ít".

Đó là những điểm chính yếu mà Bàn Thị Tư đề cập đến trong bản báo cáo đã nói trên.

Sau đây xin có mấy lời bàn về cách phân loại các nhóm Dao của Bàn Thị Tư:

- Trước khi nêu lên cách phân loại các nhóm Dao của mình, Bàn Thị Tư đã điểm lại một số công trình nghiên cứu trước. Nhưng Bàn Thị Tư chỉ nhắc lại mà không phân tích để thấy cái đúng, cái sai ... của các công trình nghiên cứu đó. Không rõ Bàn Thị Tư đã căn cứ vào đâu để nhận xét các cách phân loại đó là "chưa thoả đáng", "chưa chính xác", "hết sức tùy tiện" ? Theo chúng tôi, đâu phải mọi cách phân loại trước Bàn Thị Tư đều là tùy tiện. Bằng chứng là cách phân loại các nhóm Dao trong cuốn *Người Dao ở Việt Nam* có tiêu chí, có bằng chứng hẳn hoi, không như nhận xét của Bàn Thị Tư. Còn nó đã thực sự giải quyết được vấn đề chưa, mới là cái cần bàn.

Còn Bàn Thị Tư nói rằng : "*Tôi thấy* (NKT) việc phân loại ngành Dao ở Việt Nam *cần phải dựa vào cơ sở tiêu chuẩn ngôn ngữ* (NKT). Việc này đã có người thấy và làm trước Bàn Thị Tư rồi có mới lạ gì đâu. Có lẽ Bàn Thị Tư chưa đọc kỹ cuốn *Người Dao ở Việt Nam* nên không nhớ tên sách.

Chúng ta hãy xem những phát hiện mới của Bàn Thị Tư:

- Bàn Thị Tư khẳng định : "theo ngôn ngữ thì tôi phân dân tộc Dao làm hai ngành". Để minh chứng cho khẳng định của mình tác giả đưa ra một vài con số phần trăm (%) của việc so sánh ngôn ngữ giữa ba nhóm : Dao Đại bản, Dao Tiểu bản và Dao Quần chẹt. Với mấy con số đó, liệu đã đáng tin cậy hay chưa, vì rằng người ta không biết số lượng từ được so sánh là bao nhiêu. Theo phân loại của Bàn Thị Tư, những nhóm Dao đó đều thuộc về phương ngữ thứ nhất. Còn phương ngữ thứ hai trong đó có ba nhóm : Dao Thanh y, Dao Quần trắng, Dao áo dài, người ta không thấy kết quả của việc so sánh ngôn ngữ giữa ba nhóm đó. Bàn Thị Tư chỉ đưa ra một kết luận chưa đủ sức thuyết phục : "Tiếng nói của nhóm ngôn ngữ hai gồm 3 chi tộc cũng giống nhau trong các từ vị, nhưng khác nhiều với nhóm ngôn ngữ một". Với những bằng chứng của Bàn Thị Tư vừa nêu hoàn toàn chưa có cơ sở khoa học để cho rằng : ngôn ngữ của người Dao ở Việt Nam có hai phương ngữ, còn nói gì đến chuyện để phân loại các nhóm Dao trong hai phương ngữ ấy. Cho nên người ta có thể nghĩ rằng đó chỉ là một sự áp đặt hoặc là đã dựa vào cách phân loại trong cuốn *Người Dao ở Việt Nam* mà tác giả không tiện nói ra, chỉ khác là Bàn Thị Tư đã bỏ đi nhóm Dao Lô gang ở phương ngữ một (?). Còn nếu giả định rằng : việc phân loại các nhóm Dao trong hai phương ngữ đó là phát hiện mới của Bàn Thị Tư thì nếu như Dao Quần chẹt là một nhóm riêng bên cạnh hai nhóm Đại bản và Tiểu bản thì tại sao nhóm Lô gang lại không phải là một nhóm riêng như nhóm Quần chẹt ? Phải chăng nó chỉ là một tên gọi khác của một nhóm Dao nào đó trong ba nhóm vừa kể trên hay là trên thực tế nó không tồn tại ? Không thấy Bàn Thị Tư nói gì đến nhóm Dao này(1) .

- Bàn Thị Tư bài bác cách phân loại các nhóm Dao của người khác là đã : "dựa vào quần áo, màu sắc, kích cỡ, hình thù kiểu cách chít đội khăn của người phụ nữ, tên gọi địa phương. Trong đó có một số tên mang hàm ý xấu, có tính chất chia rẽ, miệt thị dân tộc". Bài bác vậy thôi, Bàn Thị Tư đâu có chứng minh được rằng những tiêu chí đó vì sao không đúng và tên gọi nào là "chia rẽ", là "miệt thị dân tộc". Thế là, phê phán để phê phán chẳng có cơ sở nào cả.

Mặc dù Bàn Thị Tư phê phán tiêu chí vừa nêu, nhưng khi thấy cô gái Dao nào đó vận bộ trang phục cổ truyền, chắc Bàn Thị Tư nhận ra ngay cô ta thuộc nhóm Dao nào mà không cần cô ta nói hay khai lí lịch của mình. Còn nếu cô ta ăn vận như cô gái Hà Nội thì dù Bàn Thị Tư có nghe cô ta nói cũng chỉ biết là thuộc về phương ngữ nào, không thể biết là ở nhóm Dao nào. Đó không phải là một bằng chứng quá hiển nhiên hay sao, cần gì bàn cãi.

- Bàn Thị Tư cho rằng : "Tiêu chí cần thiết để *phân loại dân tộc* (NKT) bao gồm : nguồn gốc lịch sử, văn hoá, tự giác dân tộc và ngôn ngữ". Không hiểu sao lại nói đến tiêu chí để phân loại dân tộc ở đây ? Điều này không cần nói tới nữa vì đã được giải quyết rồi. Cái mà chúng ta cần bàn, cần làm sáng tỏ, chính là cái Bàn Thị Tư đã nêu ra - phân loại các nhóm Dao - hay nói cụ thể hơn là xác định xem dân tộc Dao có bao nhiêu nhóm địa phương.

Sự lầm lẫn này, một lần nữa lại được khẳng định bởi mấy điểm (có thể coi là tiêu chí -NKT) mà Bàn Thị Tư đã đưa ra : về hình thái kinh tế, về văn hoá, làng bản, hôn nhân gia đình, nhà cửa ... Vì rằng :1. Những tiêu chí đó chưa đủ để chứng minh, rằng có một dân tộc Dao, còn nói gì đến các nhóm trong cộng đồng này. 2. Bàn Thị Tư

chưa biết phát hiện các tiêu chí để giải quyết vấn đề mà mình đã đề ra. Bằng chứng là các tiêu chí như : về loại hình kinh tế nương rẫy, việc dùng chữ Hán, hình thái làng bản ... những cái đó có riêng gì của người Dao mà còn thấy ở nhiều cư dân khác. Điều này đã quá rõ, khỏi cần dẫn chứng.

Với mấy điểm vừa được bàn đến có lẽ đã tạm đủ, song cũng cần lưu ý Bàn Thị Tư không nên quá lạm dụng, muốn nói thế nào cũng được. Tỉ như : chỗ này gọi là "ngành", chỗ khác là "nhóm ngành", chỗ khác nữa lại là "chi tộc" ... Khái niệm nào có nội hàm này không thể lẫn lộn như vậy được.

Tóm lại : Mặc dù Bàn Thị Tư đã phê phán cách phân loại các nhóm Dao của những người khác khá nặng nề, nhưng đến lượt mình, Bàn Thị Tư lại chưa biết xác định các tiêu chí để phân loại các nhóm địa phương của một dân tộc, cho nên đã dẫn đến tình trạng lầm đối tượng "nói một đằng làm một nẻo".

Bàn Thị Tư đã phủ định các tên địa phương của các nhóm Dao. Phải chăng là Bàn thị Tư không thấy chính sự phức tạp là ở đó. Và, muốn hay không (vì lí do này hay khác) thì đó vẫn là một hiện thực khách quan, dù không thừa nhận thì nó vẫn tồn tại.

Vậy, tiêu chí để phân loại các nhóm Dao ở Việt Nam là gì ?

Trước khi bàn đến tiêu chí để phân loại các nhóm Dao, chúng tôi thấy cần nói tới thuật ngữ "nhóm" được dùng ở đây để tránh tình trạng lộn xộn như đã nói ở trên. Chúng tôi dùng thuật ngữ "nhóm" có nội dung tương ứng với "groupe locale" (của Pháp) với nội hàm : Đó là các tập đoàn địa phương có cùng ngôn ngữ, cùng nguồn gốc lịch sử nhưng chỉ khác nhau một số điểm về sinh hoạt, văn hoá. Các nhóm Dao ở Việt Nam đúng là như vậy : về ngôn ngữ và nguồn gốc lịch sử thì không có gì nhiều để bàn, chỉ còn lại sự khác nhau ở một số điểm về sinh hoạt và văn hoá. Với các nhóm Dao ở nước ta, sự khác biệt rõ rệt nhất là ở bộ nữ phục cổ truyền của các nhóm. Một bằng chứng không thể chối cãi là : tên gọi phân lớn các nhóm Dao, người ta đã dựa vào một vài đặc điểm nào đó của bộ nữ phục cổ truyền của các nhóm đó. Do vậy tiêu chí để phân loại các nhóm Dao là ở ngay những bộ nữ phục ấy, không phải ở đâu khác. Đó là những đặc điểm có tính đặc trưng của bộ nữ phục cổ truyền của các nhóm Dao. Xác định được các đặc điểm đó không chỉ thấy cộng đồng người Dao- dân tộc Dao - ở nước ta có bao nhiêu nhóm địa phương mà còn thấy các nhóm đó có những tên gọi nào khác, ở những địa phương nào.

Áp dụng tiêu chí này, rõ ràng không đơn giản. Bởi lẽ, tư liệu về trang phục cổ truyền của người Dao, đặc biệt là bộ nữ phục còn quá thiếu, nếu có thì rất sơ sài và thiếu chính xác. Muốn có tư liệu không có cách nào khác là phải tiến hành khảo sát điền dã. Song, như đã biết, địa bàn cư trú của người Dao lại rải ra trên một địa bàn rất rộng, đòi hỏi phải có nhiều thời gian. Chưa nói đến việc tìm ra những đặc điểm có tính đặc trưng của các bộ nữ phục đó. Dù vậy, với nhiều năm đi khảo sát điền dã ở các vùng Dao, với những tư liệu có trong tay, chúng tôi thử áp dụng tiêu chí đã nói trên để phân loại các nhóm Dao theo nhận thức mới của mình :

1. Xin bắt đầu từ nhóm *Dao Tiên* (với lí do: đây là một nhóm Dao duy nhất, phụ nữ mặc váy còn các nhóm Dao khác đều mặc quần). Nhóm này còn có tên *Dao Đeo tiền*, họ tự nhận là *Dao Tiểu bản* và trong Bình Hoàng khoán điệp cũng có nói đến nhóm *Tiểu Bản man*. Họ cư trú ở các tỉnh : Tuyên Quang, Bắc Thái, Hà Giang, Yên Bái, Sơn La, Hoà Bình, Phú Thọ ...

Bộ nữ phục của Dao Tiên từ Tuyên Quang trở lên các tỉnh phía bắc và từ tỉnh Sơn La trở về các tỉnh phía nam có khác nhau chút ít : phụ nữ Dao Tiên phía bắc đội khăn màu trắng, áo dài hơn và nẹp áo trước ngực đính hai hàng khuy bạc. Còn phụ nữ

Dao Tiên phía nam đội khăn màu chàm và nẹp ngực áo không đính khuy. Dù vậy, ở bộ nữ phục cổ truyền của nhóm Dao này người ta vẫn nhận thấy một số đặc điểm không thể lẫn với bất kì một nhóm Dao nào khác :

- Phụ nữ Dao Tiên mặc váy, hoa văn in bằng sáp ong.
- Cổ áo, nơi sau gáy đeo một số đồng tiền (thường từ sáu đến mười hai đồng).
- Dọc theo sống lưng của áo chú rẻ, mặc khi làm lễ cưới được thêu hai họa tiết rất đặc biệt không thấy ở các nhóm khác : hình *con chó* (clố, cồ, cú) và hình "*con cừu*" (glù) (?).

2. *Nhóm Dao Đỏ*. Nhóm này có mặt ở các tỉnh : Lạng Sơn, Bắc Thái, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái. Nhóm này ở Tuyên Quang còn có tên *Dao Cóc* (*cóc*) *ngáng* do người Tày gọi hay *Dao Sìng* do người Việt gọi. ở Bắc Thái một bộ phận của nhóm này có tên là *Dao Quý Lâm* hay *Dao Dụ lay*. ở Lào Cai và Lai Châu còn có tên là *Hùng Thầu* *dào* do người Trung Quốc vùng ven biên giới gọi. Còn họ tự nhận là *Dao Đại bản*, đó chính là nhóm *Đại bản man* ghi trong Bình Hoàng khoán điệp.

Bộ nữ phục của nhóm này ở các địa phương khác nhau cũng có sự khác nhau đôi chút như : ở cách đội khăn, ở tà áo trước và sau có thêu các họa tiết trang trí hoặc không, ở ống quần thêu nhiều hay ít ... Nhưng dù ở địa phương nào, bộ nữ phục của nhóm này đều có những đặc điểm không thể lẫn với các nhóm Dao khác :

- Ở nẹp ngực áo đính nhiều túm bông màu đỏ (có thể to nhỏ nhiều ít khác nhau).
- Ở yếm được đính nhiều ngôi sao nhỏ (tám cánh) bằng bạc và những miếng bạc hình chữ nhật to bằng bao diêm có chạm các họa tiết trang trí.
- Hoa văn trang trí trên khăn đội đầu, trên áo phổ biến là các họa tiết hình "*cây thông*" có nhiều tầng tán lá và họa tiết hình "*chữ thập ngoặc*" đơn và kép (chữ vạn).
- Hoa văn trên ống quần được thêu thành từng băng ngang chồng lên nhau. Trong mỗi băng lại chia thành các ô hình chữ nhật với các màu đỏ, vàng hoặc trắng xen nhau.

3. *Nhóm Dao Quân chệt*. Nhóm này ngoài tên Dao Quân chệt còn có các tên gọi khác như: *Dao Sơn đầu* (do người Việt gọi cũng như Dao Tiên hoặc Dao Lô gang, Dao Thanh phán đều có tên gọi như vậy). Sở dĩ có tên gọi đó là do người ta thấy phụ nữ nhóm Dao này chải tóc bằng sáp ong, lấm tương là sơn đầu. ở Hoà Bình, Hà Tây, Phú Thọ và Vĩnh Yên có tên là *Dao Tam Đảo*, họ vốn từ chân núi Tam Đảo (Vĩnh Yên) chuyển đến các địa phương này. ở Yên Bái lại có tên là *Dao Nga Hoàng* vì họ từ xã Nga Hoàng, huyện Yên Lập thuộc tỉnh Phú Thọ chuyển đến. Nhóm này tự nhận mình là *Dao Đại bản*.

Bộ nữ phục của Dao Quân chệt, dù ở địa phương nào cũng không có gì thay đổi.

Bộ nữ phục của nhóm Dao này cũng có những đặc điểm rất dễ phân biệt với các nhóm Dao khác:

- Quần chỉ dài quá gối một chút, ống rất hẹp bó sát vào bắp chân.
- Áo dài, thân trước cũng như thân sau, ở vạt áo sát dưới gấu được đắp những miếng vải hình vuông màu trắng (nay thay bằng vải in hoa), đỏ xen nhau.
  - Sau khi mặc, người ta kéo một góc của vạt áo sau lên rồi giắt vào thắt lưng ở một bên hông cho gọn.
  - Yếm được đính một hàng dọc hai hình bán cầu lồi bằng bạc.

4. Nhóm *Dao Thanh phán*. Nhóm này có nhiều tên gọi khác nhau: Ở Tuyên Quang có tên là *Dao Cóc mùn* do người Tày gọi. Ở Quảng Ninh, Bắc Giang có tên là *Dao Thanh phán*. Ở Bắc Thái và Lạng Sơn lại có tên *Dao Lô gang* (Lù gang), *Dao Dệt kiền*. Người Việt còn gọi là *Dao đội ván*, *Dao Thêu*. Họ cũng nhận là *Dao Đại bản*.

Bộ nữ phục của nhóm này ở các địa phương khác nhau có sự dị biệt khá lớn: áo của phụ nữ Dao Thanh phán ở Hoàn Bồ, Quảng Ninh và Dao Cóc mùn ở Tuyên Quang rất giống nhau và gần với Dao Quần chẹt ở những miếng vải đắp vào vạt thân trước và sau, nhất là các hoạ tiết trang trí bên trên những miếng vải ấy. Áo của phụ nữ Dao Lô gang ở Lạng Sơn, Bắc Thái lại rất gần với Dao Thanh phán ở Tiên Yên, Quảng Ninh.

Riêng cách đội khăn của nhóm Dao này ở các địa phương hầu như rất khác nhau. Song không vì vậy mà chúng ta không nhận thấy ở bộ nữ phục nhóm này có những điểm giống nhau mà các nhóm Dao khác không có. Đó là các hoạ tiết thêu ở nẹp ngực áo.

5. Nhóm *Dao Quần trắng*. Nhóm này ở Tuyên Quang, Hà Giang đều có tên là *Dao Quần trắng*. Ở Lao Cai có tên *Dao Họ*. Còn ở Yên Bái ngoài tên Dao Họ còn có tên *Dao Đen* (?).

Bộ nữ phục của Dao Quần trắng khá đơn giản, nhưng cũng có những đặc điểm không thể lẫn với các nhóm Dao khác:

- Áo có đường thêu " chân rết " chạy dọc hai tay.
- Yếm rất to và dài che kín ngực và bụng.
- Trong ngày làm lễ cưới, cô dâu phải mặc quần trắng và đội mũ giống như cái bồ dài, đính nhiều ngôi sao bạc.

Dao Họ, nay không còn tục trong lễ cưới cô dâu phải mặc quần trắng, nhưng chúng ta vẫn nhận ra họ vốn là Dao Quần trắng là nhờ vào đường thêu dọc hai tay áo và cái yếm.

Trong Bình Hoàng khoán điệp cũng có nói đến nhóm Dao này: *Khố bạch man*.

6. Nhóm *Dao Thanh y*. Nhóm này cư trú chủ yếu ở Tuyên Quang, Quảng Ninh và Bắc Giang. Ở địa phương nào họ cũng là Dao Thanh y.

Về bộ nữ phục chỉ có sự khác biệt giữa Dao Thanh y ở Quảng Ninh với Dao Thanh y ở Tuyên Quang và Bắc Giang là phụ nữ Dao Thanh y Quảng Ninh mặc quần cộc (quần đùi). Còn các đặc điểm khác hầu như hoàn toàn giống nhau.

Bộ nữ phục Dao Thanh y nhìn chung là khá đơn giản nhưng cũng có những đặc điểm đủ để phân biệt với các nhóm Dao khác:

- Áo màu chàm dài tới mắt cá chân. Thân áo không thêu hoa văn trang trí. Ở cổ áo thêu một dải hoa văn nhỏ với hoạ tiết chữ thập ngược trong các ô hình thoi màu đỏ và trắng xen nhau.

- Đặc biệt là phụ nữ Dao Thanh y đội một cái mũ nhỏ giống như cái đầu, cốt bằng xơ mướp, ngoài lớp chỉ đen. Bên ngoài mũ còn đội thêm khăn.

- Khăn đội đầu hình vuông bằng vải trắng thêu kín hầu khắp mặt khăn bằng chỉ đen có điểm thêm đôi nét bằng chỉ đỏ. Ở khăn đội đầu của Dao Thanh y ngoài những hoạ tiết hình sao còn có những chữ Hán. Đó là hiện tượng không thấy ở một nhóm Dao nào khác. Nhóm Dao này thuộc nhóm *Lam đình man* ghi trong Bình Hoàng khoán điệp.

7. Nhóm *Dao Áo dài*. Dao Áo dài cư trú ở nhiều địa phương: Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang. Ở Yên Bái, Lào Cai họ có tên là *Dao Tuyên* hay *Dao Tiên* (Dao Làn tiên). Riêng Hà Giang còn có tên là *Dao Sán chỉ* (nhiều người nhầm với Sán Chỉ trong cộng đồng Cao Lan- Sán chỉ).

Bộ nữ phục của nhóm này có một số nét giống Dao Thanh y như: áo rất dài, không có hoa văn trang trí. Tuy vậy cũng có những đặc điểm riêng:

- Phụ nữ đội mũ rồi bên ngoài phủ khăn giống như Dao Thanh y, nhưng mũ của Dao Áo dài dẹt như một cái đĩa (mặt trên của mũ Dao Thanh y). Đỉnh mũ đính một ngôi sao bạc giống như Dao Thanh y, vành mũ gài rất nhiều mảnh bạc nhỏ hình tròn. Còn khăn cũng bằng vải trắng nhưng chỉ bằng nửa khăn của Dao Thanh y, mặt khăn thêu bằng chỉ đen, hai đầu khăn có tua rất dài.

- Áo dài, có cổ thấp và đã hình thành cái hò, thân bên trái vắt qua thân bên phải và cài khuy lệch về bên nách phải. Cổ áo đính nhiều chuỗi hạt cườm, đầu các chuỗi có tua dài. Dây lưng là một dải vải nhỏ đính liên tiếp nhiều ngôi sao tám cánh bằng bạc (giống như những ngôi sao đính xung quanh cổ áo).

Đó là kết quả của phân loại các nhóm Dao dựa trên cơ sở một số đặc điểm có tính đặc trưng của bộ nữ phục cổ truyền của các nhóm Dao.

Xem bảng phân loại các nhóm Dao ở Việt Nam sau đây: (xem bảng ở trang sau)

### ĐÔI LỜI THAY KẾT LUẬN

Cái mới ở sự phân loại này so với cách phân loại trong cuốn *Người Dao ở Việt Nam* không có gì nhiều.

- Thay đổi một số tên trong các "nhóm lớn" theo cách gọi trong Bình Hoàng khoán điệp như: "Quân trắng" thay bằng "Khố bạch" hay "Làn tiên" thay bằng "Lam đĩnh" cho cùng âm Hán-Việt.

- Thay đổi một số tên đại diện cho các "nhóm nhỏ" bằng những tên gọi có tính phổ biến như: nhóm "Đại bản" thay bằng "Dao đỏ", "Cóc mùn" thay bằng "Thanh phán".

- Nhóm Dao Thanh y là một nhóm riêng không bao gồm Dao Tuyên, chuyển nhóm này xuống nhóm Dao Áo dài.

- Cái mới hơn cả là xác định tên gọi của các nhóm Dao ở các địa phương khác nhau, cụ thể là 14 tỉnh miền Bắc Việt Nam (còn các tỉnh Tây Nguyên và miền đông nam Bộ, chúng tôi chưa làm được vì những nhóm này mới chuyển đến đây trong vài năm nay).

- Với bảng phân loại của chúng tôi đã phản ánh đầy đủ những điểm vừa nêu. Hi vọng với cách phân loại mới này, vấn đề phân loại các nhóm Dao ở Việt Nam không còn là đề tài cần bàn đến nữa. Nếu có thì cũng chỉ là bổ xung một số chi tiết nào đó.

### CHÚTHÍCH

(1)- Theo báo cáo của PTS Đặng Phúc Lương đọc tại cuộc Hội thảo này thì Bắc Thái hiện đang có nhóm Dao Lô gang

**PHÂN LOẠI CÁC NHÓM ĐẠO Ở VIỆT NAM**

		TÊN GỌI ĐỊA PHƯƠNG															
NHÓM PHƯƠNG NGỮ	NHÓM LỚN (1)	NHÓM NHỎ	HÒA BÌNH	HÀ TÂY	VĨNH PHÚ*	SƠN LA	YÊN BÁI	LÃO CẠI	LAI CHÂU	TUYÊN QUANG	HÀ GIANG	CAO BẰNG	BẮC THÁI	LANG SƠN	QUẢNG NINH	HÀ BẮC	
NHÓM I "KIỂM MIỀN"	ĐẠO ĐẠI BẢN	ĐẠO ĐỎ					Đạo Đỏ	Đạo Đỏ	- Đạo Đỏ - Hùng thầu Dào	- Đạo Đỏ - Đạo Cốc ngang	Đạo Đỏ	Đạo Đỏ	- Đạo Đỏ - Quý Lâm	Đạo Đỏ			
		ĐẠO QUẦN CHỆT	- Đạo Quần chệt - Đạo Sơn đầu	Đạo Quần chệt	Đạo Tam Đảo	Đạo Quần chệt							Đạo Quần chệt				
		ĐẠO THANH PHÁN								- Đạo Cốc mùn - Đạo Đội ván				- Đạo Cốc mùn - Đạo Lò gang - Đạo Dụ kì un	- Đạo Thanh phán - Đạo Thêu	- Đạo Thanh phán	
NHÓM II "KIM MÜN"	KHỐ BẠCH	ĐẠO TIẾN	Đạo Tiên			Đạo Tiên			Đạo Tiên	Đạo Tiên	Đạo Tiên	Đạo Tiên					
		ĐẠO QUẦN TRẮNG						- Đạo Hộ Đen (?)			Đạo Quần trắng	Đạo Quần trắng					
		ĐẠO THANH Y									Đạo Thanh y					Đạo Thanh y	Đạo Thanh y
NHÓM LỚN (2)	ĐẠO ÁO DÀI	ĐẠO ẢO DÀI	Đạo ẢO Dài					Đạo Tuyên (Lân tiến)		- Đạo Áo dài - Đạo Chàm							
		ĐẠO CHÂM															

\* Gồm Vĩnh Yên và Phú Thọ